

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2022
V/v “không công nhận là vợ chồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Huy Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Vũ Thị Xuyên

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/03/2022 về “Yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 07/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Tổ 31, khu P, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Lê Văn B**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ 31, khu P, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/03/2022, tại bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Lê Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991. Kể từ thời điểm chung sống với nhau đến nay, chị L và anh B không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi chung sống với nhau, chị L và anh B ở tại địa chỉ tổ 31, khu P, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại hai người đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Chị L xác định đến nay mâu thuẫn giữa chị L và anh B đã đến mức trầm trọng, tình cảm không còn, nên không thể chung sống với nhau được nữa. Do không làm thủ tục đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí không công nhận chị L và anh B là vợ

chồng.

Về con chung: Chị L và anh B có 02 con chung là: Lê Văn Q sinh năm 1993 và Lê Thị Thanh T, sinh năm: 1998. Các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Lê Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị Lê Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được hơn 20 năm, nhưng đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hiện tại hai người đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy, anh B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí không công nhận anh B và chị L là vợ chồng.

Về con chung: Anh B và chị L có 02 con chung tên là: Lê Văn Q sinh năm 1993 và Lê Thị Thanh T, sinh năm: 1998. Các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 5/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - Ông Nguyễn Văn S là khu trưởng khu P, phường Y, thành phố U cho biết: Chị L và anh B là công dân cư trú tại tổ 31, khu P, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Chị L và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Cuộc sống chung không được hạnh phúc và không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại chị L và anh B đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L có đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L, không công nhận chị Lê Thị L và anh Lê Văn B là vợ chồng; về con chung: Các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên không giải quyết; về tài sản chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về “*Yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng*” giữa các đương sự có nơi cư trú tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị L vắng mặt tại phiên tòa (có lý do). Bị đơn anh Lê Văn B được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh B vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị L và anh Lê Văn B tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Như vậy việc chung sống giữa chị L và anh B đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị Lê Thị L và anh Lê Văn B cùng có quan điểm là đề nghị Tòa án không công nhận anh B và chị L là vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị Lê Thị L đối với anh Lê Văn B.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh B có 02 con chung là: Lê Văn Q sinh năm 1993 và Lê Thị Thanh T, sinh năm: 1998. Các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh B trình bày không có tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề tài sản.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng với anh Lê Văn B.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Lê Thị L và anh Lê Văn B là vợ chồng.
2. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006796 ngày 25/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP Uông Bí;
- Các đương sự;
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Huy Hùng

